

Số: /SGDĐT-KHTC
V/v hướng dẫn thực hiện các khoản
thu, chi trong trường học
năm học 2020-2021

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Trung tâm GDNN-GDTX các huyện, thành phố;
- Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ.

Để thực hiện đúng quy định về các khoản thu, chi trong trường học, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các đơn vị, trường học trong tỉnh triển khai thực hiện các khoản thu, chi trong năm học 2020-2021 cụ thể như sau:

Căn cứ các văn bản pháp lý:

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (sau đây gọi là Nghị định số 86); Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 145); Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ (sau đây gọi là Thông tư số 09);

Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (sau đây gọi là Thông tư số 55);

Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi là Thông tư số 16);

Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định mức học phí, học phí học các môn tự chọn đối

với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 của tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi Điểm a, Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi Điểm a, Điểm b Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức học phí, học phí học các môn tự chọn đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 của tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 04/11/2009 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc cho phép Sở GD&ĐT thu tiền cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ năm học 2008-2009 và các năm tiếp theo (sau đây gọi là Quyết định số 1318);

Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 06/02/2020 của UBND tỉnh Bãi bỏ một số nội dung của Quy định quản lý dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình và bãi bỏ Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 28/3/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định quản lý về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Quyết định số 05);

Công văn số 1765/STC-GCS ngày 11/8/2020 của Sở Tài chính về việc mức học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông năm học 2020-2021.

PHẦN THỨ NHẤT

CÁC KHOẢN THU

A. Đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập

I. Các khoản thu theo quy định của tỉnh

1. Đối với các trường mầm non

a) Mức thu học phí:

Khu vực	Mức thu (ĐVT: Đồng/học sinh/tháng)	
	Nhà trẻ	Mẫu giáo
Khu vực thành thị	135.000	113.000
Khu vực nông thôn (vùng Đồng bằng)	85.000	73.000
Khu vực nông thôn (vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn)	57.000	51.000
Khu vực miền núi	57.000	51.000

b) Thời gian thu: Theo số tháng thực học.

2. Đối với các trường tiểu học

a) Học phí học các môn tự chọn

- Mức thu: Môn Tin học: 22.000 đồng/học sinh/tháng.

Mức thu trên áp dụng chung cho cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, miền núi và chỉ áp dụng đối với các đơn vị chưa có biên chế dạy môn tự chọn hoặc đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định. Trường hợp đơn vị đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định thì đơn vị được tính toán xác định số tiết để thu tiền trên nguyên tắc: Số tiết thu tiền = số tiết thực dạy – số tiết định mức nghĩa vụ của giáo viên biên chế; số tiết xác định thu phải cân đối phù hợp đối với các lớp, không dồn tập trung vào một lớp hoặc một số lớp để tạo sự công bằng trong thu, nộp.

- Thời gian thu: Theo số tháng thực học.

b) Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường

- Cấp Tiểu học chỉ tổ chức dạy thêm, học thêm đối với lớp bồi dưỡng về nghệ thuật, thể dục, thể thao, rèn luyện kỹ năng sống. Không dạy thêm đối với học sinh đã được nhà trường tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

- Mức thu học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

c) Tiền trông giữ xe tại trường học (nếu có):

Học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo ngày: Thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 1.000đ/lượt/học sinh;

Học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo tháng: mức thu là 10.000đ/tháng/học sinh.

3. Đối với các trường trung học cơ sở

a) Mức thu học phí

+ Hệ phổ thông:

Khu vực	Mức thu (ĐVT: Đồng/học sinh/tháng)
Khu vực thành thị	107.000
Khu vực nông thôn (vùng Đồng bằng)	57.000
Khu vực nông thôn (vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn)	39.000
Khu vực miền núi	39.000

+ Hệ bổ túc văn hóa: Áp dụng mức thu học phí tương đương với mức học phí của các trường hệ phổ thông trung học cơ sở.

- Thời gian thu: 9 tháng/năm học.

b) Học phí Môn học tự chọn (học nghề phổ thông):

- Mức thu: Mức thu áp dụng chung cho cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, miền núi: 37.000 đồng/học sinh/tháng.

- Thời gian thu: Theo số tháng thực học nhưng không vượt quá 9 tháng/năm học.

c) Tiền cấp bản sao bằng tốt nghiệp và chứng chỉ các loại

- Mức thu tiền mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp: 6.000 đồng/chiếc;

- Mức thu tiền mua phôi chứng chỉ các loại: 5.000 đồng/chiếc.

d) Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường

Mức thu tiền học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

e) Tiền trông giữ xe tại trường học (nếu có):

- Học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 1.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo tháng, mức thu là 10.000đ/tháng/học sinh.

- Học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 2.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo tháng, mức thu là 20.000đ/tháng/học sinh

4. Đối với các trường trung học phổ thông

a) Mức thu học phí

Khu vực	Mức thu (ĐVT: đồng/học sinh/tháng)
Khu vực thành thị	130.000
Khu vực nông thôn (vùng Đồng bằng)	85.000
Khu vực nông thôn (vùng các xã bãi ngang đặc biệt khó khăn)	51.000

Khu vực	Mức thu (ĐVT: đồng/học sinh/tháng)
Khu vực miền núi	51.000

- Thời gian thu: 9 tháng/năm học.
- b) Học phí Môn học tự chọn (học nghề phổ thông):
 - Mức thu áp dụng chung cho cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, miền núi là 44.000 đồng/học sinh/tháng;
 - Thời gian thu: Theo số tháng thực học nhưng không vượt quá 9 tháng/năm học.

c) Tiền bản sao bằng tốt nghiệp và chứng chỉ các loại:

- Mức thu tiền mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp là 6.000 đồng/chiếc;
- Mức thu tiền mua phôi chứng chỉ các loại là 5.000 đồng/chiếc.

d) Đối với dạy thêm, học thêm trong nhà trường

Mức thu tiền học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

e) Tiền trông giữ xe tại trường học (nếu có):

- Học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 1.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo tháng, mức thu là 10.000đ/tháng/học sinh.

- Học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 2.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo tháng, mức thu là 20.000đ/tháng/học sinh

5. Đối với các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên; Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ

a) Về Học phí các môn học bắt buộc:

- Mức thu: Áp dụng mức thu học phí tương đương với mức thu học phí của các trường phổ thông công lập trong vùng.
- Thời gian thu: theo số tháng thực học.

b) Học phí học các môn tự chọn:

- Mức thu:

- + Môn Giáo dục công dân: 12.000 đồng/học sinh/tháng;
- + Môn Tin học: 28.000 đồng/học sinh/tháng;
- + Môn Tiếng Anh: 37.000 đồng/học sinh/tháng;
- + Học nghề phổ thông: 44.000 đồng/học sinh/ tháng

Mức thu trên áp dụng chung cho cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, miền núi và chỉ áp dụng đối với các đơn vị chưa có biên chế dạy môn tự chọn hoặc đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định. Trường hợp đơn vị đã có biên chế nhưng chưa đủ định biên giáo viên để dạy môn tự chọn theo yêu cầu quy định thì đơn vị được tính toán xác định số tiết để thu tiền trên nguyên tắc: Số tiết thu tiền = số tiết thực dạy – số tiết định mức nghĩa vụ của giáo viên biên chế; số tiết xác định thu phải cân đối phù hợp đối với các lớp,

không dồn tập trung vào một lớp hoặc một số lớp để tạo sự công bằng trong thu, nộp.

- Thời gian thu: Theo số tháng thực học nhưng không vượt quá 9 tháng/năm học.

c) Tiền cấp bản sao bằng tốt nghiệp và chứng chỉ các loại

- Mức thu tiền mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp là 6.000 đồng/chiếc;

- Mức thu tiền mua phôi chứng chỉ các loại là 5.000 đồng/chiếc.

d) Thu tiền dạy thêm, học thêm:

Mức thu tiền học thêm do thỏa thuận giữa cha mẹ học sinh với Trung tâm

đ) Tiền trông giữ xe tại Trung tâm (nếu có):

- Học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 1.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe đạp, xe đạp điện theo tháng, mức thu là 10.000đ/tháng/học sinh.

- Học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo ngày, thực hiện thu theo ngày gửi thực tế, mức thu là 2.000đ/lượt/học sinh; học sinh đăng ký gửi xe máy, xe máy điện theo tháng, mức thu là 20.000đ/tháng/học sinh

e) Học phí hệ đào tạo liên danh, liên kết: Thực hiện theo các hợp đồng ký kết với các cơ sở đào tạo.

II. Các khoản thu khác

1. Bảo hiểm thân thể cho học sinh

Đây là khoản thu tự nguyện, cha mẹ học sinh có quyền lựa chọn các loại hình bảo hiểm vì vậy không được đưa khoản thu này là khoản thu bắt buộc trong nhà trường. Nhà trường tạo điều kiện và phối hợp với các tổ chức bảo hiểm triển khai thực hiện công tác bảo hiểm cho học sinh, chú trọng công tác tuyên truyền vận động để đông đảo học sinh tự nguyện tham gia, góp phần bảo vệ chăm sóc sức khỏe cho học sinh, khoản thu này do tổ chức bảo hiểm thu.

2. Bảo hiểm y tế cho học sinh

Thực hiện theo Văn bản Liên ngành số 652/LN-GDĐT-BHXH ngày 29/7/2020 của Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội tỉnh Ninh Bình về việc triển khai Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2020-2021.

3. Quỹ Đoàn, Đội

Do các tổ chức Đoàn, Đội trong nhà trường thu, chi và quản lý, mức thu thực hiện theo quy định tại Văn bản hướng dẫn số 01-HD/TĐTN-SGDĐT ngày 26/9/2017 của Tỉnh Đoàn - Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng và quản lý quỹ Đoàn, Đội trong trường học.

4. Đối với các khoản thu phục vụ cho học sinh như quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu học sinh.

Các trường học cần thống nhất chủ trương, kiểu mẫu với cha mẹ học sinh, cha mẹ học sinh tự lựa chọn và quyết định hình thức mua thích hợp. Riêng đối với quần áo đồng phục cho học sinh thực hiện theo Thông tư 26/2009/TT-BGDĐT

ngày 30/9/2009 của Bộ GD&ĐT Quy định về việc mặc đồng phục và Lễ phục tốt nghiệp của học sinh, sinh viên.

5. Đối với các khoản thu thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác nuôi, dạy học sinh như: Tiền ăn, tiền chăm sóc bán trú, tiền mua đồ dùng cá nhân (đối với học sinh bán trú), tiền điện, tiền nước uống, tiền vệ sinh,... yêu cầu nhà trường xây dựng kế hoạch công việc, lập dự toán thu, chi đảm bảo nguyên tắc thu bù đắp các chi phí và phải thỏa thuận, thống nhất với cha mẹ học sinh về chủ trương, mức thu, nội dung chi (bằng văn bản) tại các cuộc họp với cha mẹ học sinh. Chỉ thực hiện các khoản thu này khi đã được sự đồng thuận, nhất trí của cha mẹ học sinh. Các khoản thu, chi này phải quyết toán minh bạch và thông báo công khai với cha mẹ học sinh.

B. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập.

Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông ngoài công lập được tự quyết định mức học phí trên cơ sở cân đối đảm bảo chi phí cho giảng dạy, học tập và phải thông báo công khai mức học phí cho từng năm học, đồng thời phải thực hiện quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

C. Đối với kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lấy từ nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh, **không quy định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh**; nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh:

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

- Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện học sinh trường.

Ban đại diện cha mẹ học sinh không được quyên góp của người học hoặc gia đình người học các khoản ủng hộ không theo nguyên tắc tự nguyện; không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh như: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

D. Xã hội hóa giáo dục và tiếp nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân:

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1405/SGDDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN THỨ HAI

CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

I. Chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 86, Điều 4 của Thông tư số 09. Riêng đối với trẻ học lớp mẫu giáo 05 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thương trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo qui định của Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền thực hiện chế độ miễn, giảm theo Nghị định số 145 (xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo tỉnh Ninh Bình, có phụ lục đính kèm)

II. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Nghị định số 86 và Điều 5, Điều 6 của Thông tư số 09.

PHẦN THỨ BA

QUY ĐỊNH VỀ CHI

A. Đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập

I. Đối với các khoản thu theo quy định của tỉnh

1. Học phí:

a) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập:

- Dành 40% số tiền học phí thu được để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang.

- Phần kinh phí còn lại sử dụng cho các nhiệm vụ của nhà trường thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp.

b) Đối với các Trung tâm GDNN-GDTX; Trung tâm GDTX, Tin học và Ngoại ngữ: Toàn bộ học phí được sử dụng cùng với ngân sách nhà nước để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

2. Học phí học các môn tự chọn

- Nội dung chi: Chi trả tiền giờ dạy cho giáo viên; chi công tác quản lý, chỉ đạo; chi kinh phí tổ chức thi và cấp chứng chỉ đối với học nghề; chi trả tiền điện, nước, vệ sinh, mua sắm tài liệu... và các công việc khác liên quan đến công tác dạy và học các môn tự chọn.

- Mức chi: Do các đơn vị tính toán xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ tại các đơn vị, đảm bảo thu đủ bù đắp các chi phí cần thiết liên quan đến công tác dạy và học các môn tự chọn.

3. Dạy thêm học thêm

- Nội dung chi: Chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, công tác quản lý dạy thêm, học thêm của nhà trường; chi tiền điện, nước và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ dạy thêm, học thêm.

- Cơ cấu chi, định mức chi: do nhà trường thống nhất và được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Tiền bản sao bằng tốt nghiệp và chứng chỉ các loại:

Nội dung chi: Chi mua phôi bản sao bằng tốt nghiệp và phôi chứng chỉ.

5. Tiền trông, giữ xe đạp, xe máy tại trường học:

Nội dung chi: chi trả tiền công cho nhân viên, bảo vệ trông giữ xe và các chi phí có liên quan khác đến việc đảm bảo an ninh, an toàn xe đạp, xe máy tại trường học.

Mức chi: Các đơn vị tính toán xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo phù hợp nguồn kinh phí thu được.

II. Đối với những khoản thu khác

1. Các khoản thu khác như: Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm y tế, quỹ đoàn, quỹ đội...: Nội dung chi, định mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hướng dẫn riêng của từng tổ chức thu.

2. Khoản thu để phục vụ cho học sinh như mua quần áo đồng phục, quần áo thể dục thể thao, phù hiệu học sinh...; các khoản đóng góp thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh để thực hiện một số nhiệm vụ thay cha mẹ học sinh trong công tác nuôi, dạy học sinh: Nội dung chi, mức chi theo thỏa thuận đã thống nhất với cha mẹ học sinh theo nguyên tắc thu đủ bù đắp các chi phí và không tính lãi.

B. Đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập

Các cơ sở giáo dục và đào tạo ngoài công lập hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, tự cân đối thu chi, thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ kế toán, kiểm toán.

C. Đối với Ban đại diện cha mẹ học sinh

1. Trường ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp chủ trì phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp dự kiến kế hoạch chi tiêu kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi đã được toàn thể các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp thống nhất ý kiến.

2. Trường ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến.

3. Việc thu, chi kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh do Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thu và quản lý sử dụng. Trường hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh nhờ nhà trường thu và giữ hộ yêu cầu phải có văn bản đề nghị của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Việc thu, chi và quản lý kinh phí đóng góp, tài trợ của Ban đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

D. Đối với các khoản xã hội hóa và tài trợ của các tổ chức cá nhân

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1405/SGDĐT-KHTC ngày 30/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

PHẦN THỨ TƯ CÔNG TÁC TỔ CHỨC THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC NGUỒN KINH PHÍ

1. Đối với công tác thu học phí, lệ phí tuyển sinh và các khoản thu khác tại các cơ sở giáo dục (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX): Thực hiện Văn bản số 1657/SGDĐT-KHTC ngày 06/12/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc đẩy nhanh thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực giáo dục. Riêng đối với khoản thu học phí, khi thu phải viết hóa đơn thu phát cho học sinh theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học. Nhà trường không được quy định bắt ép học sinh hoặc cha mẹ học sinh phải đóng nộp các khoản học phí một lần/học kỳ hoặc cả năm học, gây khó khăn về kinh tế cho gia đình người học, hạn chế tối đa tác động của học phí đến chỉ số giá tiêu dùng của địa phương. Tiền học phí thu được phải thực hiện nộp vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch.

3. Tất cả các khoản thu, chi tại đơn vị phải theo dõi, cập nhật, hạch toán trên hệ thống sổ kế toán, báo cáo tài chính của đơn vị. Các khoản chi phải chấp hành đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn do các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4. Các khoản thu, chi tài chính tại các đơn vị phải thực hiện công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo giao Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố hướng dẫn, thường xuyên kiểm tra công tác thu, chi, quản lý và sử dụng các khoản thu trong trường học đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý; tham mưu với UBND các huyện, thành phố chỉ đạo việc chấn chỉnh tình trạng lạm thu, có hình thức xử lý nghiêm đối với đơn vị, cá nhân, người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục trong việc thực hiện các khoản thu, chi không đúng quy định. Phòng GD&ĐT có trách nhiệm tổng hợp các khoản thu đầu năm học báo cáo UBND các huyện, thành phố và Sở Giáo dục & Đào tạo vào ngày 01/10/2020.

6. Các cơ sở giáo dục ký cam kết với cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp về việc nghiêm túc không thu các khoản thu trái quy định. Thủ trưởng các đơn vị trường học hoàn toàn chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi trong nhà trường.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong trường học năm học 2020-2021. Sở GD&ĐT yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc, trong quá trình thực hiện nếu có những thay đổi, Sở GD&ĐT sẽ có văn bản hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua Website Sở GD&ĐT);
 - Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
 - Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy;
 - Ban VHXH HĐND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - TT HĐND; UBND các huyện, TP;
 - Các đ/c Lãnh đạo Sở;
 - Các phòng ban Sở;
 - Đài PT-TH tỉnh; Báo Ninh Bình;
 - Lưu VT, KHTC.
- } (Để báo cáo)
- } (Để phối hợp)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thị Khuyên